

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61 /2025/HNGĐ-ST

Ngày 15-7-2025

V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đông Giang

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Nga

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà B, tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Nay là: Số nhà B, tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên.

* Bị đơn: Anh **Đào V**, sinh năm 1982

HKTT: Xóm A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nay là: Xóm A, xã P, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ hiện nay: KPT. STRÁNSKÉHO 1001/9 PRAHA 9 CERNÝ MOST
CZECH (CỘNG HOÀ SÉC)

(Chị T, anh V có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện và B tự khai, nguyên đơn - chị Hà Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Vũ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình ngày

30/12/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2010 thì cả hai vợ chồng sang sinh sống và làm việc tại P, Cộng hòa S. Sang nước ngoài một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do làm ăn không gặp may mắn, buôn bán thua lỗ, kinh tế khó khăn nên không có thu nhập, cuộc sống gia đình bấp bênh. Vợ chồng luôn xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Tháng 6/2022 cả gia đình về Việt Nam vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, tháng 8/2022 anh V và hai con trai trở về Cộng hoà Séc sinh sống còn chị ở lại Việt Nam không sang nữa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 không còn liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào V.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Đào V có 02 con chung là cháu Đào Nam T1, sinh ngày 15/6/2011 và cháu Đào Vũ Hà Đ, sinh ngày 21/11/2014 hiện nay 2 con chung đang ở với bố tại Cộng hoà Séc. Ly hôn chị và anh V thoả thuận giao 2 con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị và anh V không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không thể đến Tòa án tham gia tố tụng được, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

** Tại Bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - anh Đào Vũ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn anh Đào Vũ khai phù hợp với lời khai của chị T. Nay chị T xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn chị T.

- Về quan hệ con chung: Anh xác nhận lời khai về con chung của chị T là đúng. Ly hôn anh và chị T thoả thuận giao 2 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang sinh sống và làm việc tại Cộng hoà Séc nên anh không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án, anh có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản của Tòa án, anh ủy quyền cho chị gái anh là chị Đào Thị Hồng D, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà A, tổ C, đường N, phường P, thành phố T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Bị đơn anh Đào Vũ ở nước ngoài (Cộng hòa S), căn cứ vào khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Chị T, anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh V.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Đ1 Vũ kết hôn tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, do kinh tế khó khăn, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, thiếu trách nhiệm giữa vợ và chồng. Cả chị T và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh V đồng ý. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh V không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Đào Vũ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T, anh V có 02 con chung là cháu Đào Nam T1, cháu Đào Vũ Hà Đ, hiện nay 2 con chung đang ở với bố tại Cộng hoà Séc. Ly hôn chị và anh V thoả thuận giao 2 con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay anh V đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu T1, Đ, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với anh V, việc hai cháu T1, Đ ở với anh V đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường; bản thân chị T cũng nhất trí đồng ý giao hai cháu T1, Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị T, anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy cần chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cho anh V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu T1, Đ, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị T và anh Đào V không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Đào V.

2. Về con chung: Giao cho anh Đ1 Vũ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đào Nam T1, sinh ngày 15/6/2011 và cháu Đào Vũ Hà Đ, sinh ngày 21/11/2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Chị T, anh V có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000028 ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Hà Thị T, anh Đào V. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Đông Giang

